

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 4 năm 2023
V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con
của vợ chồng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Việt và ông Hà Văn Sơ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 ngày 12 ngày 2022 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản S, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Cà Văn H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản S, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị B trình bày như sau:

Chị và anh Cà Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Mai Sơn vào ngày 06/10/2005 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên rượu chè, say rượu đánh đập chị nhiều lần. Do đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mâu thuẫn càng trầm trọng khi anh H xuống công ty nơi chị làm việc đề đập phá đồ đạc, hai bên xảy ra xô xát. Mâu thuẫn căng thẳng từ tết năm 2019 nên sống ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia

đình đã hòa giải nhưng không thành. Hiện tại, chị xác định không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Cà Thị A, sinh ngày 08/3/2014 và cháu Cà Duy M, sinh ngày 25/12/2016. Chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu A, cháu M là con trai đẻ ở cùng bố.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2022 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Cà Văn H trình bày:

Về tình cảm, anh H xác định anh và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2019, chị B đi làm công nhân ở xa để tăng thu nhập, từ đó phát sinh những bất đồng. Ban đầu, chị B có gửi tiền về gia đình, sau đó không biết gửi bao nhiêu. Vợ chồng hay cãi nhau, cuộc sống không được như trước, chị B cũng về nhà ngoại mà không chịu về nhà. Bản thân anh không muốn ly hôn vì còn tình cảm và thương con.

Về con chung, anh chị có 02 con chung là cháu Cà Thị A, sinh ngày 08/3/2014 và cháu Cà Duy M, sinh ngày 25/12/2016. Hiện tại, hai cháu đang ở cùng cụ ngoại. Nếu chị B cương quyết ly hôn thì anh muốn nuôi cháu trai, còn cháu gái thì ở cùng với mẹ.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh không muốn ly hôn nên không có ý kiến về tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh H và chị B tại Ban quản lý bản S thể hiện: Anh H và chị B kết hôn từ năm 2005, chung sống tại Bản S, xã C. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn và chị B có đơn xin ly hôn, Ban quản lý bản đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H thường xuyên uống rượu say, đánh chị B. Về con chung: Anh chị có 02 con chung. Về tài sản chung và nợ chung, ban quản lý bản không nắm được. Đồng thời, tại biên bản ghi ý kiến của con chung trên 07 tuổi chưa thành niên, cháu Cà Thị A, sinh ngày 08/3/2014 có nguyện vọng ở cùng với mẹ và cháu Cà Duy M, sinh ngày 25/12/2016 có nguyện vọng ở cùng với bố.

Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố

tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị B và anh Cà Văn H. Về con chung: Giao cháu Cà Thị A, sinh ngày 08/3/2014 cho chị Lò Thị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Cà Duy M, sinh ngày 25/12/2016 cho chị Lò Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung: Đề nghị Tòa án không giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn, vấn đề về con chung với anh Cà Văn H có nơi cư trú tại Bản S, xã C, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước phiên tòa, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lò Thị B và anh Cà Văn H kết hôn với nhau từ năm 2005 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được **UBND xã C, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2005, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp**. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì

phát sinh mâu thuẫn. Chị B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh Cà Văn H thường xuyên rượu chè, say rượu đánh đập chị nhiều lần khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khi anh H làm ảnh hưởng đến công việc của chị. Anh B cho rằng mâu thuẫn là do chị B đi làm công ty ở xa, không gửi tiền về gia đình từ đó vợ chồng xảy ra bất đồng, không thể tìm được tiếng nói chung. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với vợ nên không nhất trí ly hôn. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương cũng thể hiện rõ, vợ chồng chị B và anh H có mâu thuẫn xuất phát từ anh H thường xuyên say rượu, gây xô xát với vợ, mâu thuẫn đã được gia đình và ban quản lý bản hòa giải nhưng không thành. Bản thân anh H không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, chị B cương quyết xin ly hôn. Từ năm 2019 đến nay, chị B sống cùng nhà ngoại và ly thân từ đó đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị B đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Lò Thị B và anh Cà Văn H.

[2.2] *Về con chung*: Chị B và anh H có 02 con chung là cháu Cà Thị A, sinh ngày 08/3/2014 và cháu Cà Duy M, sinh ngày 25/12/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thống nhất trường hợp ly hôn, anh H nhận nuôi dưỡng cháu Cà Duy M, chị B nhận nuôi dưỡng cháu Cà Thị A. Tại biên bản làm việc ghi nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi, hai cháu có nguyện vọng thống nhất với đề nghị của anh H và chị B.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị B và anh H đã thống nhất với nhau về vấn đề trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Tại biên bản ghi ý kiến của con chung trên 07 tuổi, cháu A thể hiện nguyện vọng được ở cùng với mẹ còn cháu M có nguyện vọng được ở cùng với bố khi bố mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị B và anh H cùng các cháu, giao cháu Cà Thị A, sinh ngày 08/3/2014 cho chị Lò Thị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Cà Duy M, sinh ngày 25/12/2016 cho chị Lò Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[2.3] *Về tài sản chung vợ chồng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B và anh H đều thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.3] *Về nợ chung vợ chồng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị B và anh H đều xác nhận không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Chị B xin miễn án phí xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị B hiện đang cư trú tại Bản S, xã C, huyện Mai Sơn, là vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, cần miễn án phí xin ly hôn cho chị B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị B và anh Cà Văn H.
2. Về con chung: Giao cháu Cà Thị A, sinh ngày 08/3/2014 cho chị Lò Thị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động); Giao cháu Cà Duy M, sinh ngày 25/12/2016 cho anh Cà Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh H và chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh H và chị B được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

5. Về án phí: Chị Lò Thị B được miễn án phí xin ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Ủy ban nhân dân xã C;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tính